

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012	Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	426,481,814,492	384,046,341,033	761,739,689,643	605,380,968,275
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02				0	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		426,481,814,492	384,046,341,033	761,739,689,643	605,380,968,275
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	260,556,168,045	225,310,004,301	460,794,705,679	370,349,467,468
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		165,925,646,447	158,736,336,732	300,944,983,964	235,031,500,807
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	50,331,191	29,482,078	875,968,017	1,399,692,981
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	18,418,169,774	18,676,443,713	41,858,133,780	34,775,651,486
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16,296,854,619	7,438,201,543	39,423,338,627	22,326,033,508
8	Chi phí bán hàng	24		1,965,011,054	56,012,368	6,100,523,992	1,348,967,665
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,512,363,991	10,458,807,828	26,277,918,451	26,466,261,167
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24+25))	30		139,080,432,819	129,574,554,901	227,584,375,758	173,840,313,470
11	Thu nhập khác	31		2,017,788,190	7,626,822,493	2,372,753,783	7,890,601,231
12	Chi phí khác	32		187,236,065	1,711,379,844	687,127,252	1,964,302,585
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,830,552,125	5,915,442,649	1,685,626,531	5,926,298,646
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		140,910,984,944	135,489,997,550	229,270,002,289	179,766,612,116
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	35,230,114,985	33,874,973,681	57,388,440,016	44,960,767,128
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30			0	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		105,680,869,959	101,615,023,869	171,881,562,273	134,805,844,988
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Nguyễn Thị Phương Duyên

Người lập biểu

Ngày 21 tháng 1 năm 2013

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Lê Văn Hường

Giám đốc